

UBND TỈNH SÓC TRĂNG  
**VĂN PHÒNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /VP-TTHC  
V/v niêm yết, công khai 42  
TTHC lĩnh vực Đất đai của  
Sở Tài nguyên và Môi trường  
và áp dụng tại cấp huyện

Sóc Trăng, ngày tháng 9 năm 2024

Kính gửi: - Sở Tài nguyên và Môi trường;  
- UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Ngày 20/9/2024, Chủ tịch UBND tỉnh đã ký ban hành Quyết định số 2222/QĐ-UBND về việc công bố TTHC trong lĩnh vực Đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường và áp dụng tại cấp huyện trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng;

Đến ngày 25/9/2024, Văn phòng UBND tỉnh đã hoàn thành việc nhập và đăng tải công khai dữ liệu TTHC theo Quyết định công bố nêu trên vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC; đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND các huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo các cơ quan, đơn vị liên quan truy cập website: <http://dichvucong.gov.vn>, chọn tra cứu và kết xuất dữ liệu TTHC, để niêm yết, công khai tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện và đăng tải trên Trang thông tin điện tử của đơn vị, cụ thể như sau:

**Hồ sơ TTHC công khai**

STT	Số hồ sơ TTHC công khai	Tên TTHC công khai	Ghi chú
1	1.012752.000.00.00.H51	Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với trường hợp thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao	TTHC cấp tỉnh
2	1.012755.000.00.00.H51	Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với trường hợp không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư theo pháp luật về đầu tư mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức trong nước, tổ	TTHC cấp tỉnh

		chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao	
3	1.012757.000.00.00.H51	Giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất	TTHC cấp tỉnh
4	1.012758.000.00.00.H51	Cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư mà người xin chuyển mục đích sử dụng đất là tổ chức trong nước	TTHC cấp tỉnh
5	1.012759.000.00.00.H51	Cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư mà người xin chuyển mục đích sử dụng đất là tổ chức trong nước	TTHC cấp tỉnh
6	1.012760.000.00.00.H51	Chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất mà người sử dụng đất là tổ chức kinh tế, đơn vị sự nghiệp công lập, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	TTHC cấp tỉnh
7	1.012761.000.00.00.H51	Giao đất, cho thuê đất từ quỹ đất do tổ chức, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sử dụng đất quy định tại Điều 180 Luật Đất đai, do công ty nông, lâm trường quản lý, sử dụng quy định tại Điều 181 Luật Đất đai mà người xin giao đất, cho thuê đất là tổ chức trong nước, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	TTHC cấp tỉnh
8	1.012762.000.00.00.H51	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do thay đổi căn cứ quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất mà người sử dụng đất là tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao	TTHC cấp tỉnh
9	1.012763.000.00.00.H51	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do sai sót về ranh giới, vị trí, diện tích, mục đích sử	TTHC cấp tỉnh

		dụng giữa bản đồ quy hoạch, bản đồ địa chính, quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và số liệu bản giao đất trên thực địa mà người sử dụng đất là tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao	
10	1.012764.000.00 .00.H51	Chấp thuận tổ chức kinh tế nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án	TTHC cấp tỉnh
11	1.012804.000.00 .00.H51	Giao đất, cho thuê đất, giao khu vực biển để thực hiện hoạt động lấn biển mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao	TTHC cấp tỉnh
12	1.012753.000.00 .00.H51	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với tổ chức đang sử dụng đất	TTHC cấp tỉnh
13	1.012754.000.00 .00.H51	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài	TTHC cấp tỉnh
14	1.012756.000.00 .00.H51	Đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp được Nhà nước giao đất để quản lý	TTHC cấp tỉnh
15	1.012765.000.00 .00.H51	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không theo phương án dồn điền, đổi thửa, chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng	TTHC cấp tỉnh và cấp huyện
16	1.012820.000.00 .00.H51	Bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm	TTHC cấp tỉnh và cấp huyện

17	1.012766.000.00 .00.H51	Xóa đăng ký thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng	TTHC cấp tỉnh và cấp huyện
18	1.012768.000.00 .00.H51	Đăng ký biến động đối với trường hợp đổi tên hoặc thay đổi thông tin về người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất; thay đổi hạn chế quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc có thay đổi quyền đối với thửa đất liền kề; giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên	TTHC cấp tỉnh và cấp huyện
19	1.012769.000.00 .00.H51	Đăng ký tài sản gắn liền với thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận hoặc đăng ký thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký	TTHC cấp tỉnh và cấp huyện
20	1.012770.000.00 .00.H51	Đăng ký biến động thay đổi quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức hoặc chuyển đổi mô hình tổ chức	TTHC cấp tỉnh
21	1.012772.000.00 .00.H51	Đăng ký biến động đối với trường hợp thay đổi quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo thỏa thuận của các thành viên hộ gia đình hoặc của vợ và chồng; quyền sử dụng đất xây dựng công trình trên mặt đất phục vụ cho việc vận hành, khai thác sử dụng công trình ngầm, quyền sở hữu công trình ngầm; bán tài sản, điều chuyển, chuyển nhượng quyền sử dụng đất là tài sản công theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công; nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo kết quả giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã được đăng ký, bao gồm cả xử lý khoản nợ có nguồn gốc từ khoản nợ xấu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.	TTHC cấp tỉnh và cấp huyện
22	1.012793.000.00 .00.H51	Đăng ký biến động đối với trường hợp thành viên của hộ gia đình hoặc cá nhân đang sử dụng đất thành lập doanh nghiệp tư nhân và sử dụng đất vào hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp	TTHC cấp tỉnh
23	1.012794.000.00 .00.H51	Đăng ký biến động đối với trường hợp điều chỉnh quy hoạch xây dựng chi tiết; cấp Giấy chứng nhận cho từng thửa đất theo quy hoạch	TTHC cấp tỉnh

		xây dựng chi tiết cho chủ đầu tư dự án có nhu cầu	
24	1.012795.000.00 .00.H51	Xóa ghi nợ tiền sử dụng đất, lệ phí trước bạ	TTHC cấp huyện
25	1.012815.000.00 .00.H51	Đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền	TTHC cấp tỉnh và cấp huyện
26	1.012813.000.00 .00.H51	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không đúng mục đích đã được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014	TTHC cấp huyện
27	1.012781.000.00 .00.H51	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với thửa đất có diện tích tăng thêm do thay đổi ranh giới so với Giấy chứng nhận đã cấp	TTHC cấp tỉnh và cấp huyện
28	1.012782.000.00 .00.H51	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp cá nhân, hộ gia đình đã được cấp Giấy chứng nhận một phần diện tích vào loại đất ở trước ngày 01 tháng 7 năm 2004, phần diện tích còn lại của thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận	TTHC cấp huyện
29	1.012783.000.00 .00.H51	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	TTHC cấp tỉnh và cấp huyện
30	1.012784.000.00 .00.H51	Tách thửa hoặc hợp thửa đất	TTHC cấp tỉnh và cấp huyện
31	1.012786.000.00 .00.H51	Cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất	TTHC cấp tỉnh
32	1.012788.000.00 .00.H51	Đăng ký đất đai đối với trường hợp chuyển nhượng dự án bất động sản	TTHC cấp tỉnh và cấp huyện
33	1.012790.000.00 .00.H51	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp	TTHC cấp tỉnh và huyện
34	1.012791.000.00 .00.H51	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện và cấp lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi	TTHC cấp tỉnh
35	1.012785.000.00 .00.H51	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 8 năm 2024 mà bên chuyển quyền đã	TTHC cấp tỉnh và cấp huyện

		được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định	
36	1.012787.000.00 .00.H51	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, công trình xây dựng trong dự án bất động sản	TTHC cấp tỉnh và cấp huyện
37	1.012789.000.00 .00.H51	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai	TTHC cấp tỉnh và cấp huyện
38	1.012792.000.00 .00.H51	Gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất mà người xin gia hạn sử dụng đất là tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao.	TTHC cấp tỉnh
39	1.012802.000.00 .00.H51	Điều chỉnh thời hạn sử dụng đất của dự án đầu tư mà người sử dụng đất là tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao.	TTHC cấp tỉnh
40	1.012803.000.00 .00.H5	Sử dụng đất kết hợp đa mục đích mà người sử dụng là tổ chức	TTHC cấp tỉnh
41	1.012821.000.00 .00.H51	Thẩm định, phê duyệt phương án sử dụng đất	TTHC cấp tỉnh
42	1.012805.000.00 .00.H51	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân cấp tỉnh	TTHC cấp tỉnh
<b>Tổng số: 42 thủ tục.</b>			

Đề nghị quý cơ quan phối hợp thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Sở Thông tin và Truyền thông;
- Lưu: VT, TTHC.

**KT. CHÁNH VĂN PHÒNG  
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**

**Trần Quốc Hưng**